

Bản án số: 113/2018/DS-ST
Ngày: 28-5-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót.
2. Ông Lê Văn Mút

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú: Ông Nguyễn Phú Quý –
Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 719/2018/QĐXXST– DS ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị T, sinh năm: 1983. Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn: Lê Thị L, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thái H, sinh năm 1983. Anh H ủy quyền cho chị Phan Thị T cùng địa chỉ: ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 05/7/2015 chị có cho chị Lê Thị L vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 05/7/2016, khi giao nhận tiền hai bên có lập giấy mượn tiền ngày ngày 05/7/2015. Thực hiện hợp đồng chị L có đóng lãi đầy đủ 10 tháng từ ngày

05/7/2015 đến ngày 05/6/2016. Từ ngày 05/5/2016 đến nay chị L không trả vốn và lãi tiếp cho chị, chị có nhiều lần yêu cầu chị L trả nợ nhưng chị L không thực hiện.

Chị thừa nhận từ ngày 05/7/2015 đến ngày 05/5/2016 chị L có trả lãi cho chị với số tiền 30.000.000 đồng. Do đó trong quá trình khởi kiện chị yêu cầu chị L phải trả cho chị tổng cộng 118.500.000 đồng, bao gồm: vốn vay là 100.000.000 đồng, nợ lãi là 18.500.000 đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa chị có yêu cầu tính lãi lại của toàn bộ hợp đồng, cụ thể: nợ lãi từ ngày 05/7/2015 đến ngày 20/11/2017 là 34 tháng 23 ngày với mức lãi suất 1%/tháng; Thành tiền $100.000.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} \times 1\% = 34.766.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn vay và nợ lãi là 134.766.000 đồng, chị đồng ý khấu trừ 30.000.000 đồng vào số tiền vốn vay và lãi nêu trên nên chị L còn nợ lại chị 104.766.000 đồng.

Chị tự nguyện yêu cầu chị Lê Thị L phải giao trả cho chị và anh H số tiền 104.000.000 đồng. Đối với số tiền 766.000 đồng chị không yêu cầu.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Lê Thị L trình bày:

Trong năm 2015 chị có vay của chị T 70.000.000 đồng, việc vay tiền do hai bên thỏa thuận, lãi suất vay là 500.000 đồng/10.000.000 đồng/1 tháng, trong thời gian vay chị có trả lãi cho chị T một thời gian với số tiền bao nhiêu chị không nhớ. Sau đó chị không có khả năng trả vốn và lãi tiếp cho chị T. Đến ngày chị và chị T có tổng kết nợ thì chị thống nhất có nợ chị T vốn và lãi là 100.000.000 đồng, chị có ký tên vào biên nhận nợ cho chị T như chị T cung cấp cho Tòa án. Sau khi viết biên nhận nợ thì hàng tháng chị có trả cho chị T từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, trả đến tháng 10/2017 âm lịch với số tiền 30.000.000 đồng, do giữa chị và chị T có mâu thuẫn nên khi chị trả tiền thì trả cho chồng chị T chứ không phải trả cho chị T. Việc chị trả tiền không có lập biên bản hay giấy tờ gì nên chị không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Qua yêu cầu của chị T thì chị đồng ý trả cho chị T số tiền 70.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng trả cho đến khi hết nợ. Chị không đồng ý trả số tiền 118.500.000 đồng theo yêu cầu của chị T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn thống nhất thời gian vay tiền, số tiền vay và số tiền trả, hai bên không thống nhất cách tính lãi, không thống nhất cách thức trả nợ. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả

nợ cho nguyên đơn trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Lê Thị L hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa chị T yêu cầu chị Lê Thị L trả trả một lần số tiền vốn vay và nợ lãi là 104.000.000 đồng. Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo nội dung biên bản lấy lời khai thì chị L không đồng ý trả theo yêu cầu của chị T, chị L đồng ý trả 70.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[4] Căn cứ vào chứng cứ do chị T cung cấp là biên nhận ngày 05/7/2015 được chị L thừa nhận; đồng thời chị L cho rằng có trả cho chị T số tiền 30.000.000 đồng, việc này được chị T thừa nhận nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy hợp đồng vay tài sản và được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và tuân theo quy định tại Điều 121, Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005 nên được xem là hợp pháp. Do chị L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó, chị T yêu cầu chị Lê Thị L trả số nợ 100.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu tính nợ lãi của chị T, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T thừa nhận chị L có trả cho chị số tiền 30.000.000 đồng (từ ngày 05/7/2015 đến ngày 05/5/2016, với lãi suất 2.5%/tháng). Mặc dù đây là sự thỏa thuận của hai bên nhưng mức lãi suất nêu trên vượt hơn so với quy định của pháp luật, do đó để đảm bảo quyền lợi của chị T, chị L cần tính lại lãi suất của toàn bộ hợp đồng với mức lãi suất chị T yêu cầu là 1%/tháng cụ thể từ ngày 05/7/2015 đến ngày 20/11/2017 là 34 tháng 23 ngày; Thành tiền $100.000.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} \times 1\% = 34.766.000 \text{ đồng}$. Tại phiên tòa chị T đồng ý khấu trừ 30.000.000 đồng vào tổng số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và nợ lãi 34.766.000 đồng; chị T yêu cầu chị L phải trả cho chị

T số tiền 104.000.000 đồng, đối với số tiền 766.000 đồng chị T không yêu cầu giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu trả nợ dần của L, xét thấy: chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị T trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T. Mặt khác chị L không chứng minh được kinh tế gia đình chị đang khó khăn và tại phiên tòa chị T cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của L. Do đó yêu cầu này của chị L không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do chị Phan Thị T không yêu cầu chồng chị L cùng liên đới với chị L để trả nợ cho chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Chị Lê Thị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật, được tính như sau: $5\% \times 104.000.000 \text{ đồng} = 5.200.000 \text{ đồng}$.

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T. Buộc chị Lê Thị L trả cho chị Phan Thị T và anh Huỳnh Thái Hưng số tiền 104.000.000 đồng (trong đó vốn vay là 100.000.000 đồng, nợ lãi là 4.000.000 đồng)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Lê Thị L phải nộp số tiền 5.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Chị Phan Thị T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 2.962.000 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012231 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Thanh Minh

